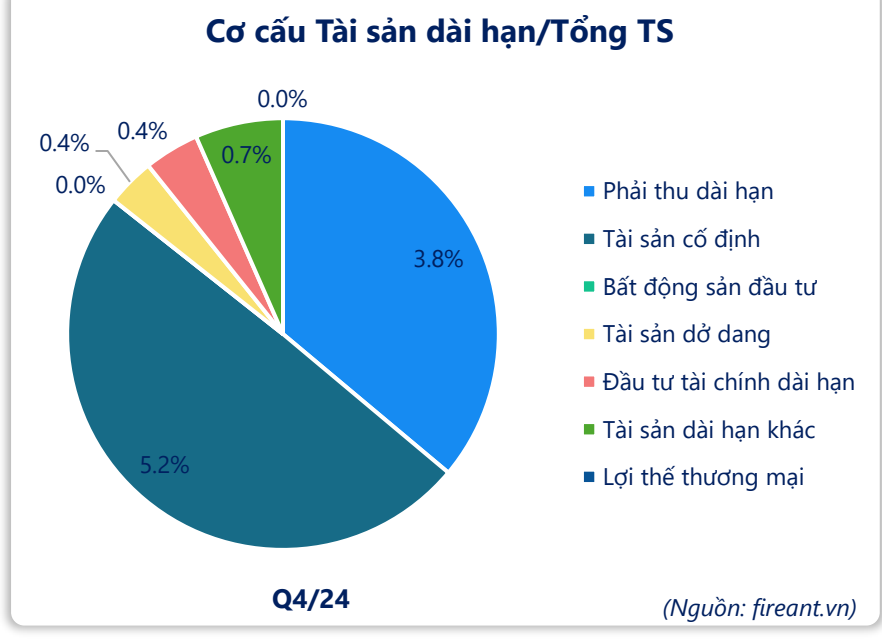
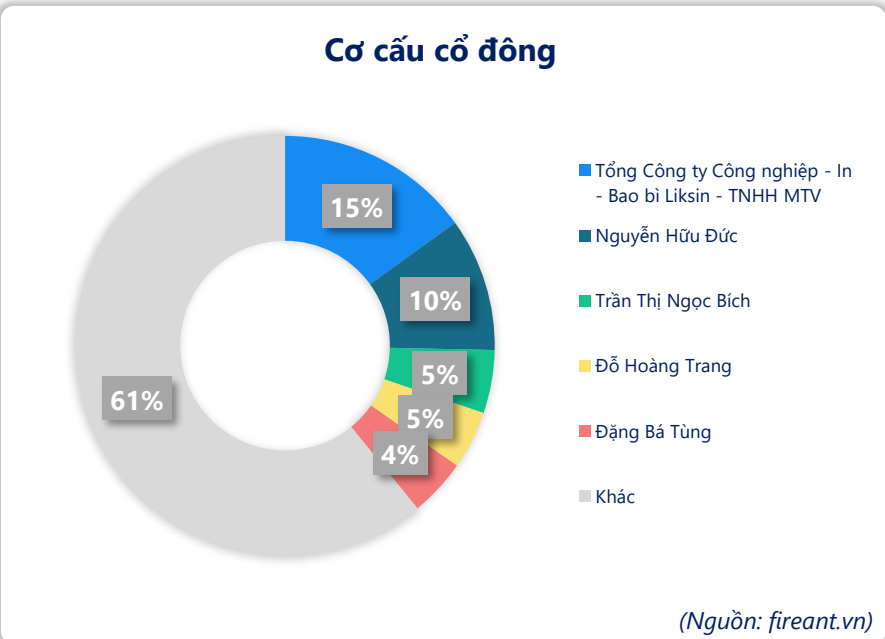
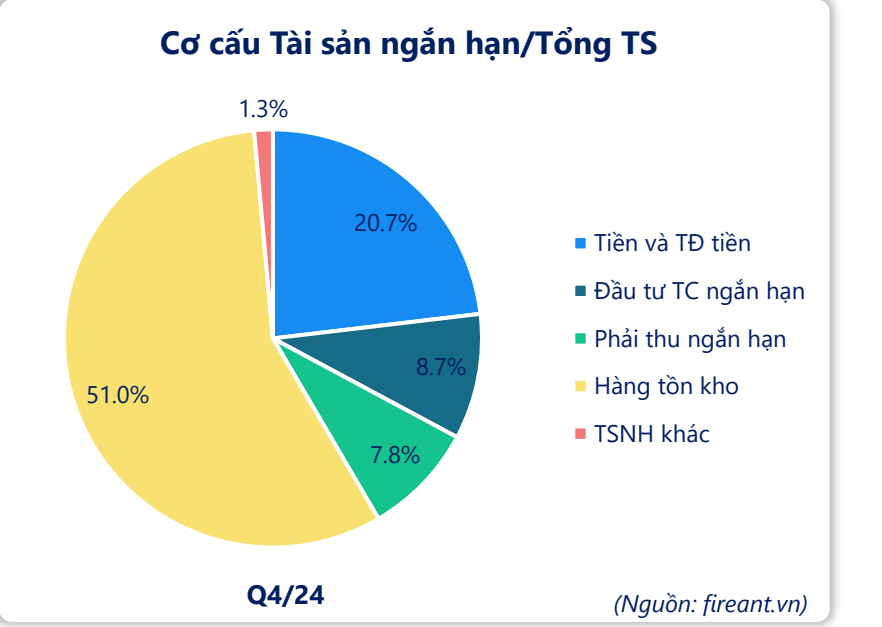
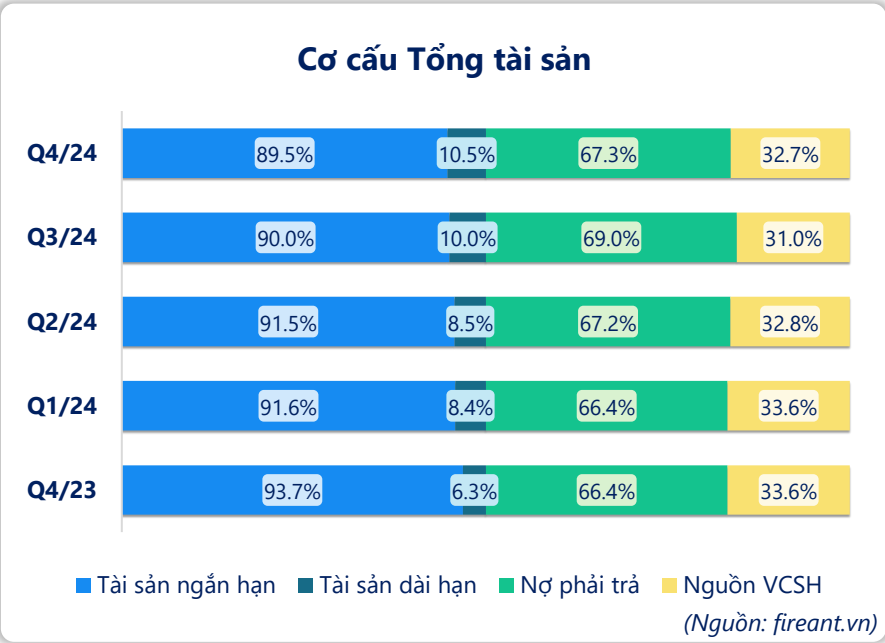
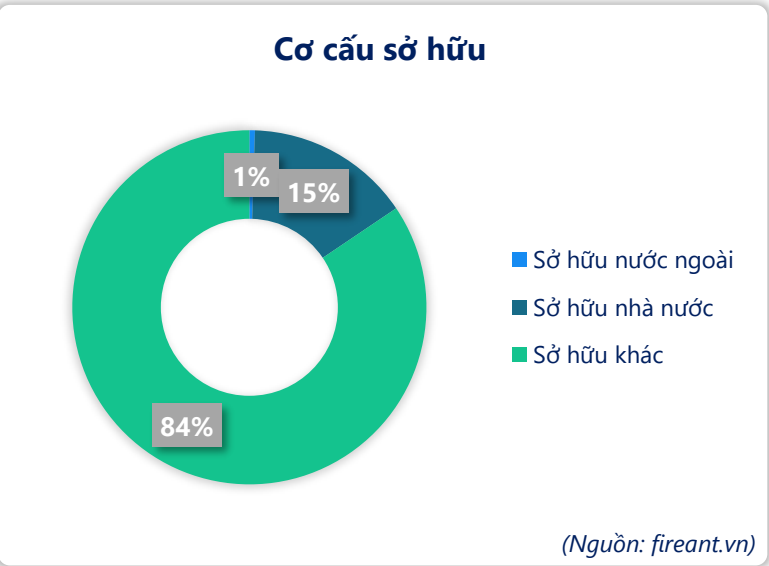
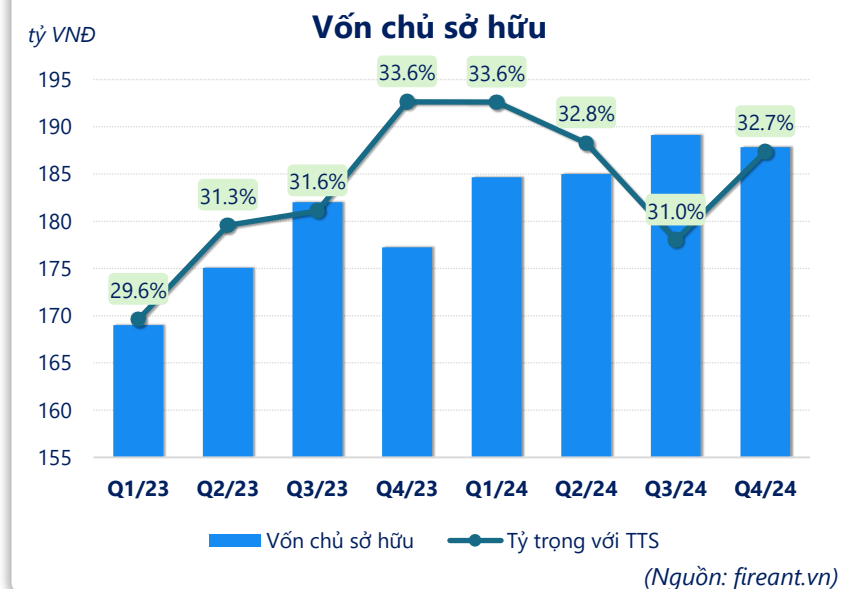
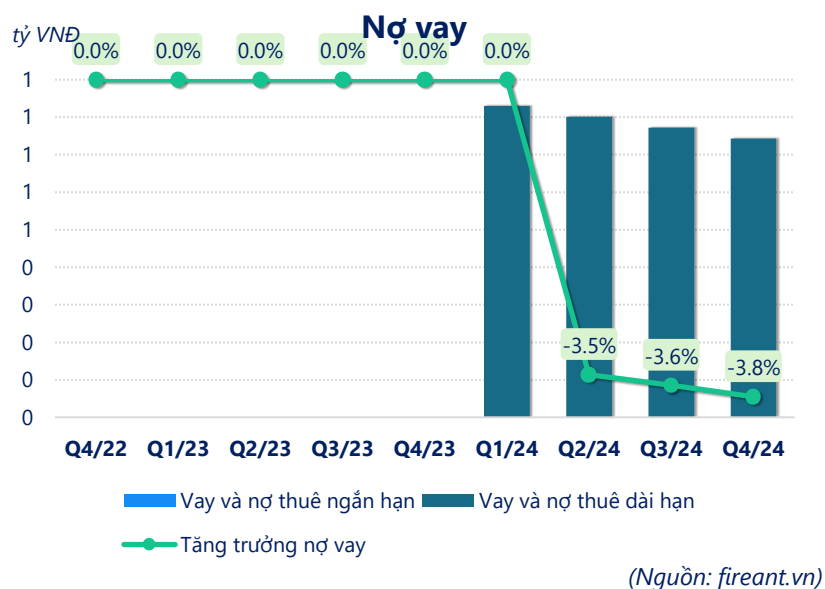
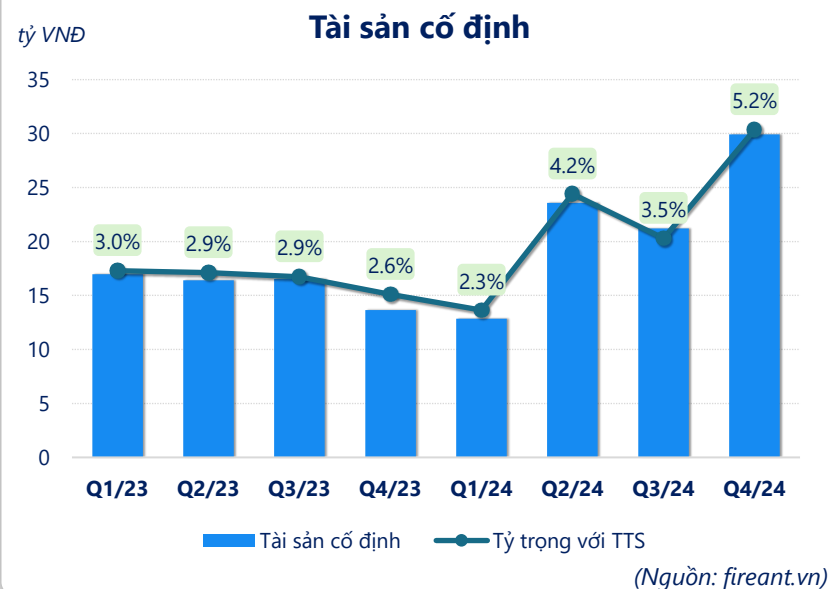
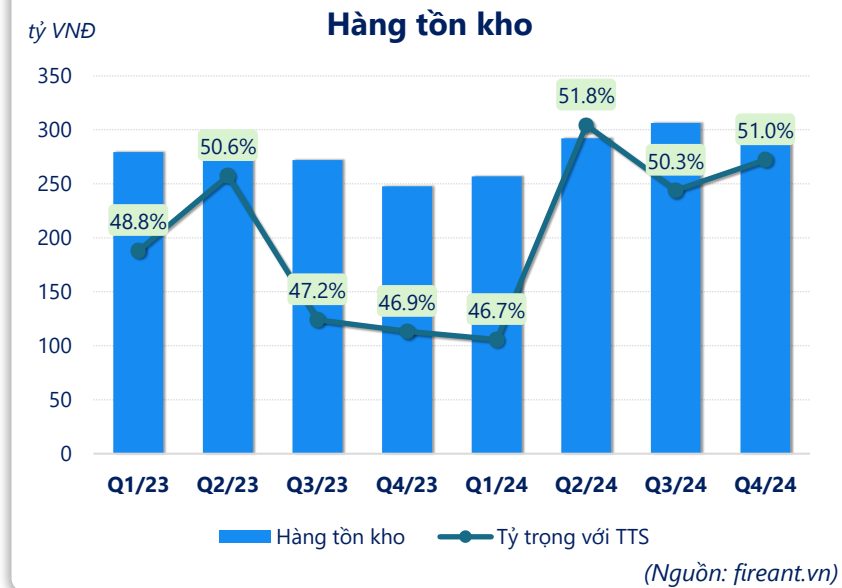
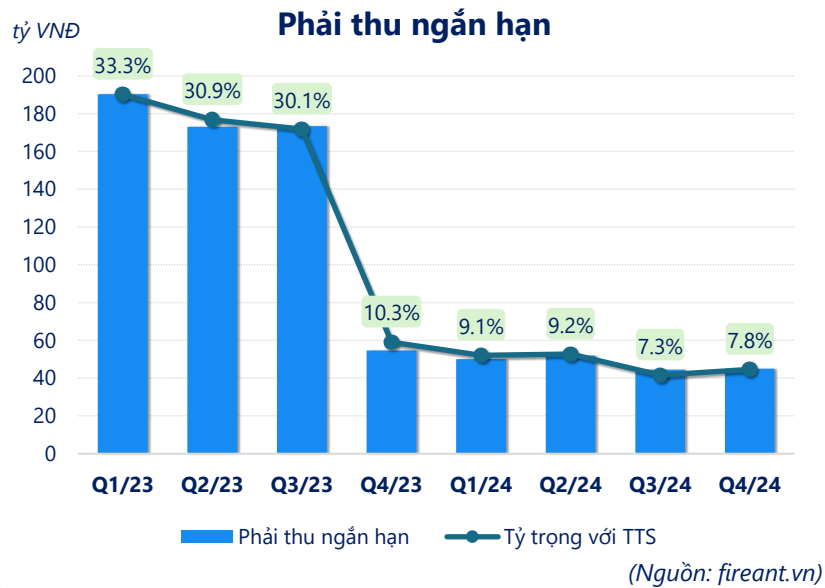
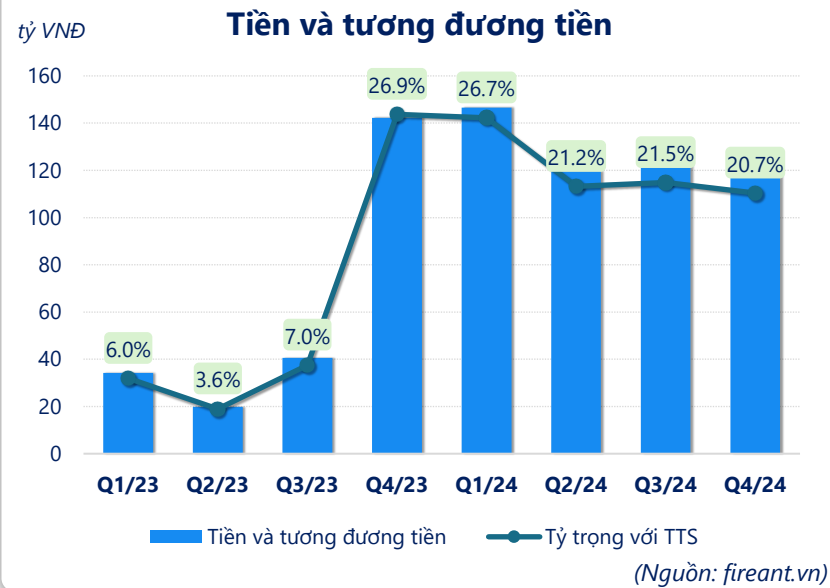
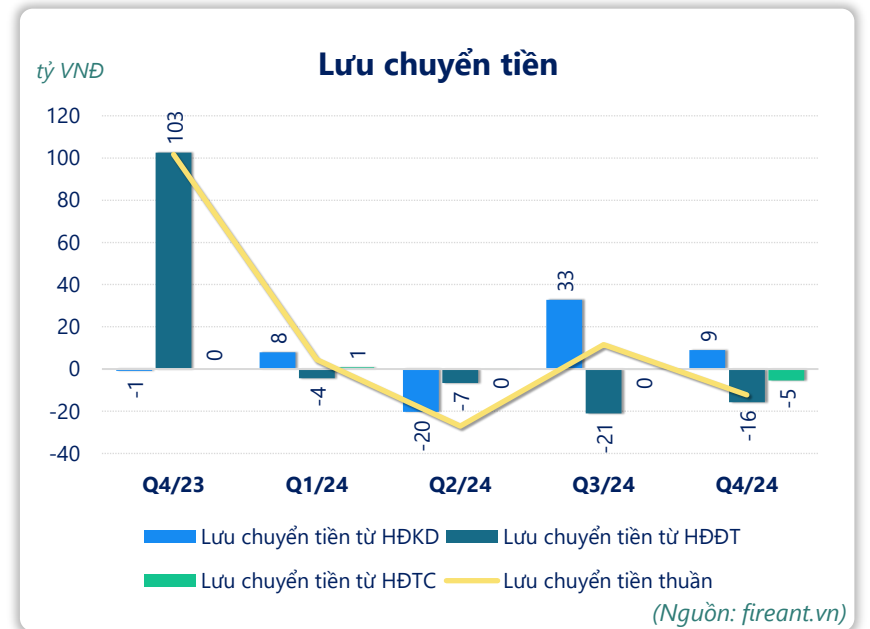
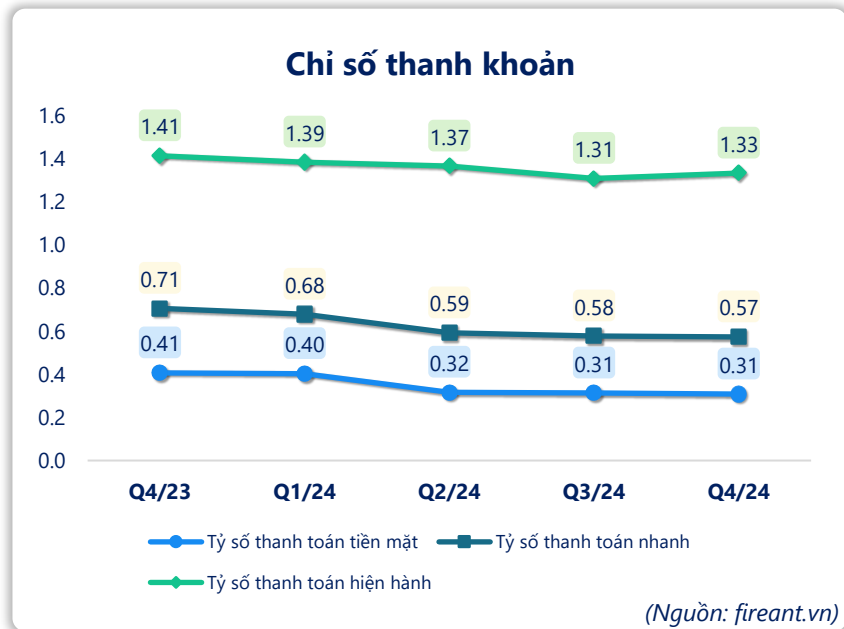
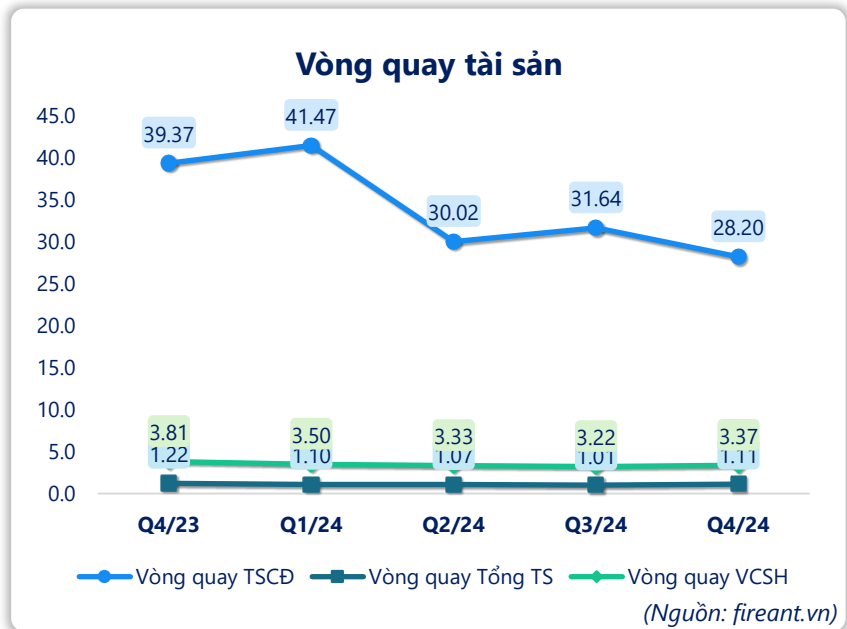
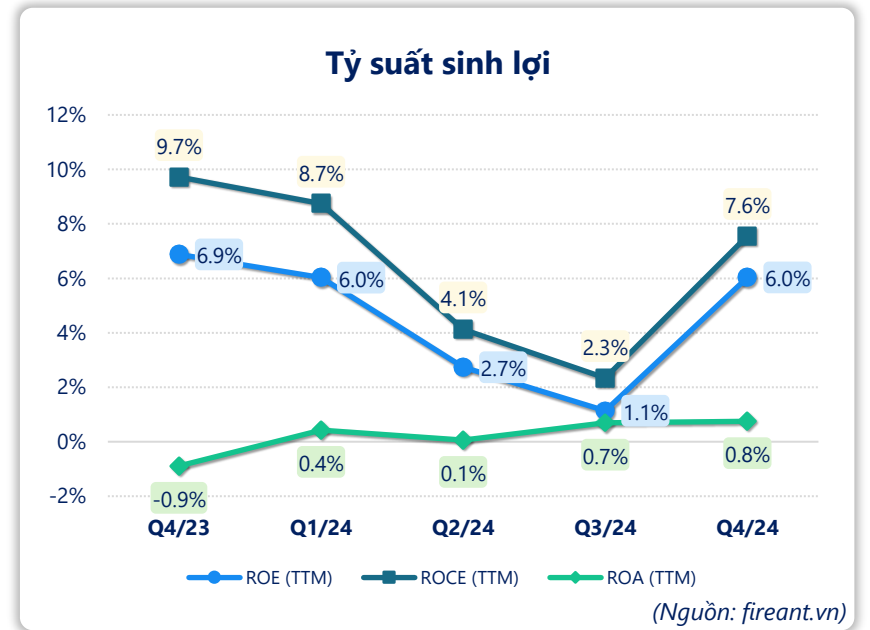
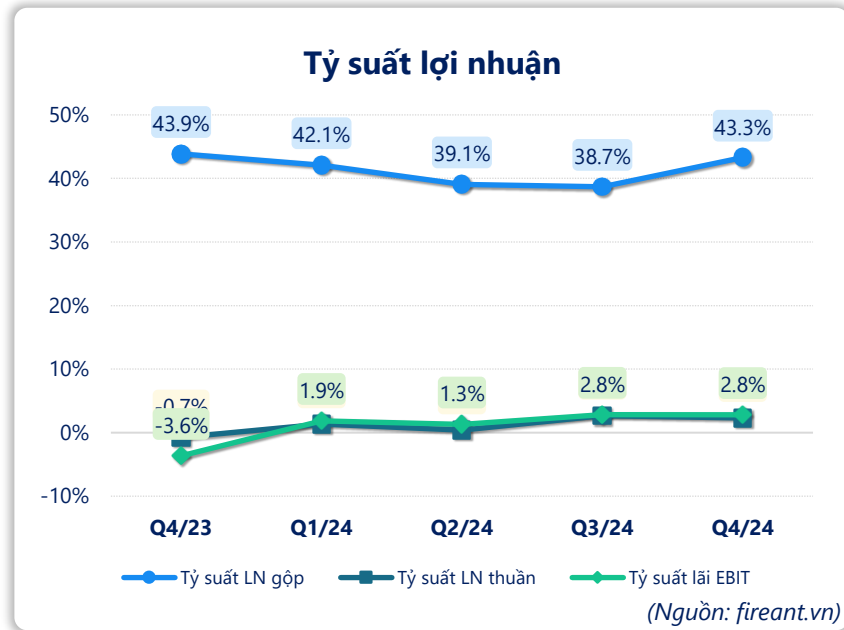
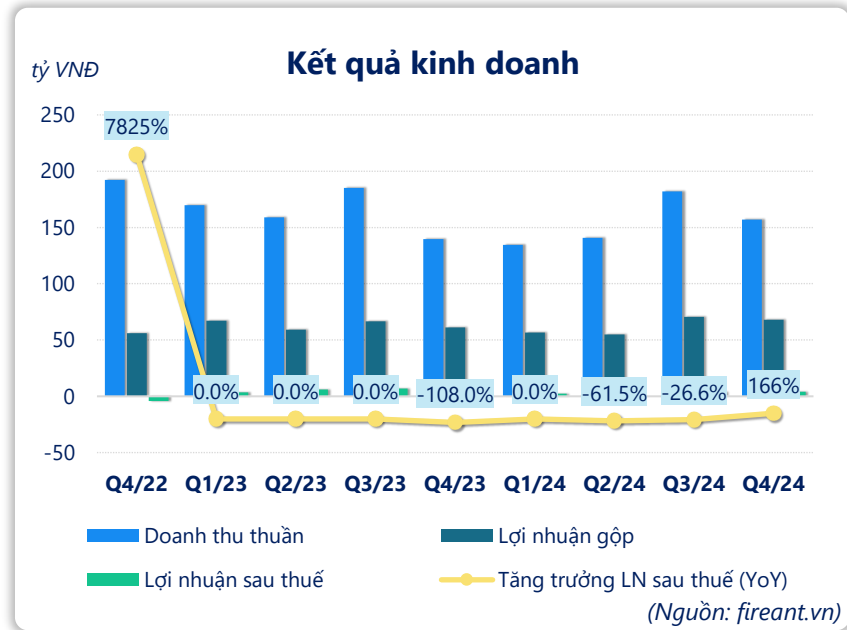


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		17,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,798
SL cổ phiếu LH		10,799,351
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,830
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		191
P/E		17.3
EPS		1,020

	YTD	1T	3T	6T
PNC		7.6%	35.8%	89.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	575	528	9.0%
Tài sản ngắn hạn	515	495	4.1%
Tiền và tương đương tiền	119	142	-16.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	45.9	8.9%
Phải thu ngắn hạn	45.0	54.6	-17.6%
Hàng tồn kho	293	248	18.5%
Tài sản ngắn hạn khác	7.42	4.31	72.4%
Tài sản dài hạn	60.4	33.2	82.0%
Phải thu dài hạn	21.8	11.4	91.1%
Tài sản cố định	29.9	13.7	119%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.19	4.50	-51.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.99	1.12	255%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	387	345	12.1%
Nợ ngắn hạn	386	345	12.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	324	265	22.1%
Nợ dài hạn	1.32	0.76	73.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.74	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	188	182	3.1%
Vốn chủ sở hữu	188	182	3.1%
Vốn điều lệ	110	110	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	140	135	141	182	157
Giá vốn hàng bán	78.3	78.0	85.7	112	89.0
Lợi nhuận gộp	61.2	56.7	55.0	70.5	68.0
Doanh thu HĐTC	3.93	3.58	4.53	2.32	5.17
Chi phí TC	0	0.00	0.32	0.01	0.01
Chi phí lãi vay	0	0.00	0.01	0.01	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	50.3	49.0	50.8	57.8	61.5
Chi phí QLDN	15.8	9.47	7.92	10.1	7.95
LN thuần từ HĐKD	-1.03	1.79	0.53	4.87	3.65
Lợi nhuận khác	-4.06	0.71	1.30	0.28	0.72
LN trước thuế	-5.09	2.50	1.82	5.15	4.36
Lợi nhuận sau thuế	-4.76	2.41	0.34	4.12	4.14
LNST của CĐ cty mẹ	-4.76	2.41	0.34	4.12	4.14

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.90	7.99	-20.3	32.8	8.93
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	103	-4.42	-6.69	-21.1	-15.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0.83	-0.03	-0.03	-5.43
Tiền đầu kỳ	40.6	142	147	120	131
Lưu chuyển tiền thuần	102	4.40	-27.0	11.6	-12.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	142	147	120	131	119

(Nguồn: fireant.vn)